

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

CHƯƠNG V - YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Gói số 2: Mua sắm khí Helium cho hệ thống máy MRI Achieva 1.5 Tesla.
- Tên dự án/ dự toán mua sắm: Sửa chữa hệ thống máy cộng hưởng từ MRI 1.5 Tesla năm 2025.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Vũng Tàu.
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Vũng Tàu.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.2.1. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu:

- Từng loại Hàng hóa dự thầu phải có Chứng loại/ Model / ký mã hiệu/ mã sản phẩm, Hãng sản xuất, Nước sản xuất, Năm sản xuất; Tình trạng mới 100% còn nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp; Hàng hóa có nhiều hơn hai xuất xứ, nhà thầu phải có văn bản giải trình về nội dung này kèm theo E-HSDT.
- Nhà thầu phải lập bảng ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT kê khai các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu với hàng hóa mời thầu, và đính kèm tài liệu chứng minh.
- Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu do Hãng sản xuất phát hành. Trường hợp có sự sai khác nội dung giữa bản dịch và bản gốc thì Bên mời thầu sẽ đánh giá dựa vào bản gốc và đối chiếu các tài liệu khác kèm theo E-HSDT để đánh giá;

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể: PHỤ LỤC 03 - DANH MỤC HÀNG HÓA.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc Xuất xứ, Hãng sản xuất, Model / ký mã hiệu nhưng phải đảm bảo yêu cầu về Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn so với yêu cầu E-HSMT. “Tương đương” được hiểu tương đương về chất liệu hoặc công nghệ hoặc chức năng sử dụng (tùy theo nội dung cụ thể quy định tại từng mục hàng hóa).

Nhà thầu phải lập bảng kê khai các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT và đính kèm tài liệu chứng minh.

Mục 2. Các yêu cầu khác: Nhà thầu kê khai hàng hóa dự thầu theo **Phụ lục 01** và đính kèm file Excel trong E-HSDT:

PHỤ LỤC 01 – HÀNG HÓA DỰ THẦU

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thương mại của hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa dự thầu	Quy cách đóng gói	Hạn sử dụng	Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng
1						Hãng ... ủy quyền bán hàng cho Công ty ... ngày .../.../... (Hiệu lực đến ngày .../.../...); Công ty ... ủy quyền bán hàng cho Công ty ... ngày .../.../... (Hiệu lực đến ngày .../.../...)	ISO
2												
3												
4												
5												

PHỤ LỤC 02 – HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Đối với nhà thầu Thương mại)

MẪU PHỤ LỤC 02-1: BẢNG KÊ HỢP ĐỒNG

MẪU PHỤ LỤC 02-2: BẢNG KÊ HÓA ĐƠN THEO HỢP ĐỒNG

Nhà thầu kê khai kèm theo E-HSDT Mẫu Phụ lục 02-1 và Phụ lục 02-2 (Bản EXCEL) kèm theo Cung cấp hợp đồng có danh mục hàng hóa, giá trị ký hợp đồng và phải có tài liệu thể hiện danh mục và giá trị đã hoàn thành (hoặc nghiệm thu) của hợp đồng tương tự đã kê khai để chứng minh.

Đối với Hợp đồng tương tự là hợp đồng liên danh, nhà thầu phải đính kèm thỏa thuận liên danh của hợp đồng để chứng minh % công việc thực hiện.

Tính chất tương tự quy định tại bảng X hoặc trong trường hợp nhà thầu xác định được mã HS của mặt hàng theo hướng dẫn tại ghi chú của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, nhà thầu phải kê khai bảng tính giá trị hợp đồng tương tự.

Mục 3. Quy cách E-HSDT:

E-HSDT được tạo thành các **FOLDER** và nén thành một **FILE** đính kèm trên Hệ thống.

CHÚ Ý:

3.1. Đặt tên **FOLDER** hoặc tên **FILE** theo **tiếng Việt không có dấu**.

3.2. Đối với nhà thầu Liên danh:

- Đính kèm bản **Scan Thỏa Thuận Liên Danh** có quy định công việc cụ thể của từng thành viên, tỷ lệ liên danh và Danh mục hàng hóa do từng thành viên cung cấp, hoặc tự sản xuất.
- Từng thành viên liên danh tạo riêng FOLDER của mình và đính kèm các tài liệu dự thầu theo phần công việc mình đảm nhận.

3.3. Cách đặt tên **FOLDER** như sau:

A. **TT_NT**: chứa các thông tin về Nhà thầu (hoặc Thành viên liên danh) và các mục con sẽ được đánh dấu là A1, A2,...

STT	FILE	Nội dung
A1.	PL01	Phụ lục 01 – Hàng hóa dự thầu (File Excel)
A2.	GPDK	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Scan)
A3.	CAMKET	Cam kết của nhà thầu. (tất cả các cam kết – nếu có)
A4.	HH_UD	Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (nếu có) (kèm tài liệu chứng minh)
A5.	TT_KHAC	Các thông tin khác của nhà thầu, Thông tin liên hệ (nếu có)

B. **NLKN**: là Folder chứa các thông tin về năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu (hoặc Thành viên liên danh), và các mục con sẽ được đánh dấu là B1, B2,...

STT	File / Folder	Nội dung
B1.	BCTC_20....	Bản scan Báo cáo tài chính kèm thuyết minh. (trường hợp Cập nhật từ Hệ thống thuế thì không cần cung cấp)
B2.	TK_TNDN	Bản scan Tờ khai Thuế TNDN từng năm (03 năm theo yêu cầu) (trường hợp Cập nhật từ Hệ thống thuế thì không cần cung cấp)
B3.	XN_THUE	Văn bản xác nhận về nghĩa vụ Thuế, nộp thuế của Cơ quan quản lý thuế năm tài chính gần nhất.
Nhà thầu thương mại (Nhà thầu có hàng hóa dự thầu mua từ nhà sản xuất khác):		
B4.	HDTT_Ma.phan	Bản scan Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc hóa đơn tài chính có danh mục hàng hóa đã thực hiện. Trường hợp ký hợp đồng với đơn vị tư nhân phải có hóa đơn cung cấp kèm theo.
Nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa dự thầu		
B5.	NLSX_Ma.phan	Cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa (theo những gì nhà thầu kê khai về nhà xưởng, thiết bị, công suất đầu ra – sản lượng, ...)
Nhà thầu tham dự cả hàng hóa thương mại và hàng hóa tự sản xuất.		
B6.	HDTT_Ma.phan	<u>Đối với các hàng hóa mua từ nhà sản xuất khác:</u> Bản scan Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc hóa đơn tài chính có danh mục hàng hóa đã thực hiện. Trường hợp ký hợp đồng với đơn vị tư nhân phải có hóa đơn cung cấp

STT	File / Folder	Nội dung
		kèm theo.
	NLSX_Ma.phan	<u>Đối với các hàng hóa do Nhà thầu sản xuất:</u> Cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa (theo những gì nhà thầu kê khai về nhà xưởng, thiết bị, công suất đầu ra – sản lượng)

C. **KT:** là Folder chứa các thông tin về Kỹ thuật của hàng hóa, và các mục con sẽ được đánh dấu là C1, C2,...

- **FOLDER** được đặt tên theo từng **Hãng sản xuất**.
- Tài liệu kỹ thuật được sắp xếp và đặt tên theo Số thứ tự PL03 hoặc Mã phân/lô.

STT	File / Folder	Nội dung
C1.	DUKT	Bảng đáp ứng kỹ thuật chung cho tất cả các mặt hàng dự thầu kèm phạm vi, cấu hình cung cấp. Cung cấp Bảng file Word hoặc Excel.
C2.	TLKT_STT	Catalogue/ Brochure /Datasheet hoặc các tài liệu khác chứng minh thông số dự thầu của Hãng sản xuất (bản tiếng Anh), kèm Bản dịch sang tiếng Việt.
C3.	ISO / CE / FDA....	Chứng nhận chất lượng (nếu có) tại PL03.

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm định và thử nghiệm cần tiến hành: Theo quy định pháp luật hiện hành.
- Thời gian kiểm tra và thử nghiệm: trước khi nghiệm thu.
- Nội dung kiểm tra: Đơn vị sử dụng có quyền kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa để khẳng định tính phù hợp với đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo hợp đồng. Bên mời thầu không phải chịu các phí tổn phụ thêm. Đơn vị sử dụng có nhiệm vụ thông báo kịp thời cho nhà cung cấp về kết quả chạy thử để nhà cung cấp có biện pháp khắc phục (nếu có) trước khi chính thức bàn giao.
- Các cuộc kiểm tra, thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở tại Đơn vị sử dụng.
- Nếu các hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật thì bên mời thầu có quyền từ chối nhận hàng (nhà cung cấp phải thay thế các hàng hóa khác hoặc đưa ra những sửa đổi cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và miễn phí hoàn toàn). Bên mua phải lập Biên bản trong trường hợp này và báo cáo về Chủ đầu tư để làm căn cứ xem xét trong việc đánh giá Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với nhà thầu trong các kỳ đấu thầu tiếp theo.